

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: CHĂN NUÔI THÚ Y

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TY03051: BỆNH TRUYỀN NHIỄM THÚ Y 1
(Veterinary infectious diseases 1)

I. Thông tin về học phần

- Học kì: 05
- Tín chỉ: **Tổng số tín chỉ 02 (Lý thuyết 1,5 – Thực hành 0,5 - Tự học 6)**
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
 - + Học lý thuyết trên lớp: 21 tiết
 - + Thảo luận trên lớp: 1,5 tiết
 - + Thực hành trong phòng thí nghiệm: 7,5 tiết
- Giờ tự học: 90 tiết
- Đơn vị phụ trách:
 - Bộ môn: Vi sinh vật truyền nhiễm
 - Khoa: Thú y
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>					
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Chuyên sâu <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

- Học phần học song hành:
- Học phần tiên quyết: CN03201 – Vi sinh vật ứng dụng trong chăn nuôi
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh Tiếng Việt

II. Mục tiêu và kết quả học tập mong đợi

*** Mục tiêu:**

- Về kiến thức: Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về quá trình phát sinh và lây lan bệnh truyền nhiễm trên đàn gia súc, gia cầm; đặc điểm một số bệnh truyền nhiễm thường xảy ra trên đàn gia súc, gia cầm và cách thức chẩn đoán, phòng trị bệnh truyền nhiễm.

- Về kỹ năng: Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng chẩn đoán bệnh truyền nhiễm dựa vào đặc điểm dịch tễ, triệu chứng, bệnh tích đặc trưng của bệnh và phương pháp chẩn đoán trong phòng thí nghiệm, phòng và điều trị bệnh truyền nhiễm thường gặp ở động vật nuôi tại Việt Nam.

- Về thái độ: Học phần rèn luyện cho sinh viên trách nhiệm bảo vệ môi trường, bảo vệ sức khỏe cộng đồng và tôn trọng phúc lợi động vật

*** Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Kết quả học tập mong đợi của chương trình Cử Nhân Chăn nuôi thú y	
Sau khi hoàn thành chương trình, sinh viên có thể:	
Kiến thức chung	CĐR 1: Áp dụng các kiến thức khoa học tự nhiên, xã hội và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại vào lĩnh vực Chăn nuôi và Thú y;
Kiến thức chuyên môn	CĐR 2: Phân tích các yếu tố tác động đến nuôi dưỡng, phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi;
	CĐR 3: Đánh giá hiệu quả chăn nuôi, phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi;
	CĐR 4: Thiết kế các chương trình sản xuất chăn nuôi, phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi đảm bảo lợi ích kinh tế, môi trường và phúc lợi động vật;
Kỹ năng chung	CĐR 5: Vận dụng kỹ năng tư duy sáng tạo và kỹ năng phản biện trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và quản lý sản xuất ngành chăn nuôi hiệu quả;
	CĐR 6: Phối hợp làm việc nhóm trong hoạt động chuyên môn đạt mục tiêu đề ra ở vị trí là thành viên hay nhà quản lý;
	CĐR 7: Giao tiếp hiệu quả bằng đa phương tiện, thích nghi với môi trường đa văn hóa; đạt chuẩn tiếng Anh theo qui định của Bộ GD&ĐT.
Kỹ năng chuyên môn	CĐR 8: Vận dụng các kỹ năng khảo sát, thu thập và xử lý thông tin phục vụ NCKH và nhu cầu của thực tiễn nghề nghiệp một cách hiệu quả;
	CĐR 9: Ứng dụng về kỹ thuật và công nghệ trong phát triển chăn nuôi bền vững;
	CĐR 10: Sử dụng công nghệ thông tin và các trang thiết bị hiện đại của ngành Chăn nuôi, Thú y phục vụ sản xuất, kinh doanh đạt mục tiêu đề ra;
	CĐR 11: Thực hiện thành thạo các quy trình kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng, phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi;
Thái độ và phẩm chất đạo đức	CĐR 12: Tuân thủ pháp luật, quy định nội bộ và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp
	CĐR 13: Thể hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường, sức khỏe cộng đồng và tôn trọng phúc lợi động vật
	CĐR 14: Thể hiện tinh thần học tập suốt đời

*** Kết quả học tập mong đợi của học phần:**

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau:

I – Giới thiệu (Introduction); P – Thực hiện (Practice); R – Cùng cố (Reinforce); M – Đạt được (Master)

Mã HP	Tên học phần	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT						
		CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7
TY03051	Bệnh truyền nhiễm thú y 1		M	P		P		
		CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11	CĐR 12	CĐR 13	CĐR 14
							R	

Ký hiệu	KQHTMĐ của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được	CĐR của CTĐT
Kiến thức		
K1	Áp dụng kiến thức về bệnh truyền nhiễm thú y vào việc chẩn đoán, phòng trị bệnh cho vật nuôi một cách hiệu quả.	CĐR 2: Phân tích các yếu tố tác động đến nuôi dưỡng, phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi;
K2	Đánh giá hiệu quả của quy trình phòng chống bệnh truyền nhiễm ở vật nuôi	CĐR 3: Đánh giá hiệu quả chăn nuôi, phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi;
Kỹ năng		
K3	Thực hiện các qui trình kỹ thuật trong chẩn đoán, điều trị bệnh truyền nhiễm cho vật nuôi, phòng chống dịch bệnh cho động vật.	CĐR 5: Vận dụng tư duy sáng tạo, tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề trong nghiên cứu khoa học, thực tiễn nghề nghiệp một cách hiệu quả
Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
K4	Thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường, nâng cao sức khỏe cho con người và thể hiện lòng yêu quý động vật	CĐR 13: Thể hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường, sức khỏe cộng đồng và tôn trọng phúc lợi động vật

III. Nội dung tóm tắt của học phần

TY03051. Bệnh truyền nhiễm thú y 1 (Veterinary infectious diseases 1). (2TC: 1,5 – 0,5 – 6). Học phần này gồm: Phòng chống bệnh truyền nhiễm; bệnh truyền nhiễm của loài nhai lại; bệnh truyền nhiễm của loài lợn và bệnh truyền nhiễm của gia cầm. Thực hành chẩn đoán một số bệnh truyền nhiễm thường gặp ở đàn gia súc và gia cầm. Học phần tiên quyết: Vi sinh vật học thú y

IV. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

Bài giảng, Thực hành, Thảo luận nhóm, Tự học.

Giảng dạy trực tuyến qua E-learning/MS team.

2. Phương pháp học tập

Sinh viên dự giờ đầy đủ theo quy định và làm bài tập nhóm, tham gia thực hành.

Học tập trực tuyến qua E-learning/MS team.

V. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham gia dự giờ lý thuyết và thực hành đầy đủ theo quy định.
- Chuẩn bị cho bài giảng: tất cả sinh viên tham dự học phần này phải trang bị đầy đủ giáo trình/bài giảng và đọc bài trước khi đến lớp
- Thảo luận: tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham gia vào một nhóm để thảo luận làm bài kiểm tra, tiểu luận nhóm
- Thực hành: tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham gia đầy đủ 03 buổi thực hành cá nhân/ nhóm 20 - 25 sinh viên.
- Thi cuối kì: bắt buộc sinh viên phải tham gia kiểm tra cuối kì theo lịch của ban Quản lý đào tạo

VI. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10

2. Điểm trung bình của học phần là tổng điểm của các rubric nhân với trọng số tương ứng của từng rubric

3. Phương pháp đánh giá

Rubric đánh giá	KQHTMD được đánh giá	Trọng số (%)	Thời gian/Tuần học
Đánh giá quá trình			
Rubric 1. Đánh giá chuyên cần và kiểm tra nhanh	K1, K3	20	
Rubric 2. Thảo luận	K1, K2, K4	10	
Rubric 3. Thực hành	K3	10	
Đánh giá cuối kì			
Rubric 4. Kiểm tra cuối kì	K1, K2, K3, K4	60	

Rubric 1: Đánh giá chuyên cần và kiểm tra nhanh (tham dự lớp)

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5-10 điểm	Khá 6.5-8.4 điểm	Trung bình 4-6.4 điểm	Kém 0-3.9 điểm
Thái độ tham dự	25	Luôn chú ý và tham gia các hoạt động	Khá chú ý, có tham gia	Có chú ý, ít tham gia	Không chú ý/không tham gia
Thời gian tham dự	25	Tham dự đủ 100% bài học	Tham dự trên 90% bài học	Tham dự từ 70 đến 90%	Tham dự dưới 70% số buổi (không được vắng quá 5 buổi học lý thuyết; không được vắng thực hành)
Bài kiểm tra nhanh	50	Trả lời đúng > 80% câu hỏi	Trả lời đúng 60-80% câu hỏi	Trả lời đúng từ 50-60% câu hỏi	Trả lời đúng dưới < 50

Rubric 2. Đánh giá thảo luận (theo nhóm)

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5-10 điểm	Khá 6.5-8.4 điểm	Trung bình 4-6.4 điểm	Kém 0-3.9 điểm
Nội dung	10	Phong phú hơn yêu cầu	Đầy đủ theo yêu cầu	Khá đầy đủ, còn thiếu 1 nội dung quan trọng	Thiếu nhiều nội dung quan trọng
	10	Chính xác, khoa học	Khá chính xác, khoa học, còn vài sai sót nhỏ	Tương đối chính xác, khoa học, còn 1 sai sót quan trọng	Thiếu chính xác, khoa học, nhiều sai sót quan trọng
Cấu trúc và tính trực quan	10	Cấu trúc bài và slides rất hợp lý	Cấu trúc bài và slides khá hợp lý	Cấu trúc bài và slides tương đối hợp lý	Cấu trúc bài và slides chưa hợp lý
	10	Rất trực quan và thẩm mỹ	Khá trực quan và thẩm mỹ	Tương đối trực quan và thẩm mỹ	Ít/Không trực quan và thẩm mỹ
Kỹ năng trình bày	10	Dẫn dắt vấn đề và lập luận lô cuốn, thuyết phục	Trình bày rõ ràng nhưng chưa lôi cuốn, lập luận khá thuyết phục	Khó theo dõi nhưng vẫn có thể hiểu được các nội dung quan trọng	Trình bày không rõ ràng, người nghe không thể hiểu được các nội dung quan trọng
Tương tác cử chỉ	10	Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	Tương tác bằng mắt và cử chỉ khá tốt	Có tương tác bằng mắt, cử chỉ nhưng chưa tốt	Không tương tác bằng mắt và cử chỉ
Quản lý thời gian	10	Làm chủ thời gian và hoàn toàn linh hoạt điều chỉnh theo tình huống	Hoàn thành đúng thời gian, thỉnh thoảng có linh hoạt điều chỉnh theo tình huống.	Hoàn thành đúng thời gian, không linh hoạt theo tình huống.	Quá giờ
Trả lời câu hỏi	10	Các câu hỏi đều được trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng	Trả lời đúng đa số câu hỏi và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Trả lời đúng đa số câu hỏi nhưng chưa nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Không trả lời được đa số câu hỏi
Sự phối hợp trong nhóm	10	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Không thể hiện sự kết nối trong nhóm
Đánh giá chéo của sinh viên trong nhóm	10	8.5 - 10 điểm	6.5 – 8.4 điểm	4 – 6.4 điểm	0 – 3.9 điểm

Rubric 3: Đánh giá bài tập thực hành

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5-10 điểm	Khá 6.5-8.4 điểm	Trung bình 4-6.4 điểm	Kém 0-3.9 điểm
Thái độ tham dự	30	Chăm chỉ, nghiêm túc, thực hiện đúng hướng dẫn, đúng thời gian, hợp tác tốt với các thành viên trong nhóm	Nghiêm túc, theo đúng hướng dẫn, hoàn thành đúng thời gian, hợp tác với các thành viên trong nhóm	Chưa thực sự nghiêm túc, theo đúng hướng dẫn, không hoàn thành đúng thời gian, chưa hợp tác tốt với thành viên trong nhóm	Lười, không nghiêm túc, không theo đúng hướng dẫn, không hợp tác với các thành viên trong nhóm
Sản phẩm thực hành	40	Đạt yêu cầu về số lượng và chất lượng	Đạt yêu cầu về số lượng nhưng chất lượng chưa tốt	Không đạt yêu cầu về số lượng và chất lượng	Không có sản phẩm
Báo cáo kết quả thực hành	30	Báo cáo trình bày đầy đủ, rõ ràng, trung thực nội dung và kết quả thực hành, nhận xét kết quả hợp lý, có hình ảnh minh họa	Báo cáo trình bày đầy đủ và trung thực nội dung và kết quả, nhận xét sơ sài, không có hoặc ít hình ảnh minh họa	Báo cáo trình bày sơ sài, thiếu nội dung, không có nhận xét kết quả, không có hình ảnh minh họa	Không có báo cáo

Rubric 4: Đánh giá cuối kì

Thi cuối kì: dạng bài thi tự luận. Bắt buộc tham gia đầy đủ và đánh giá theo đáp án

Nội dung kiểm tra	Chỉ báo thực hiện của học phần được đánh giá qua câu hỏi	KQHTMĐ của môn học được đánh giá qua câu hỏi
Chương 1: Đại cương về phòng chống bệnh truyền nhiễm	Chỉ báo 1: Hiểu biết về Quá trình sinh dịch? Nguyên tác phòng và chống bệnh truyền nhiễm?	K1, K2, K4
Chương 2: Một số bệnh truyền nhiễm ở trâu bò	Chỉ báo 2: Chẩn đoán bệnh Lở mồm long móng, Tụ huyết trùng trâu bò dựa vào dịch tễ học, triệu chứng và bệnh tích? Chỉ báo 3: Biện pháp phòng, trị bệnh bệnh Lở mồm long móng, Tụ huyết trùng trâu bò? Trình bày cơ sở khoa học của các biện pháp đó? Chỉ báo 4: Trình bày hiểu biết của anh (chị) về tình hình bệnh Lở mồm long móng ở Việt Nam (tình hình dịch, vacxin phòng bệnh)?	K1, K2, K3

<p>Chương 3: Một số bệnh truyền nhiễm ở lợn</p>	<p>Chỉ báo 5: Chẩn đoán bệnh Dịch tả lợn, Tụ huyết trùng lợn, Phó thương hàn lợn, Đóng dấu lợn, Tai xanh dựa vào dịch tễ học, triệu chứng và bệnh tích? Chỉ báo 6: Nêu cách xử lý đối với đàn lợn bị Dịch tả lợn, Tụ huyết trùng lợn, Phó thương hàn, Đóng dấu lợn, Tai xanh Chỉ báo 7: Trình bày hiểu biết của anh (chị) về tình hình bệnh Tai xanh ở Việt Nam (tình hình dịch, vacxin phòng bệnh)?</p>	<p>K1, K2, K3</p>
<p>Chương 4: Một số bệnh truyền nhiễm ở gia cầm và thủy cầm</p>	<p>Chỉ báo 9: Chẩn đoán bệnh Newcastle, Gumboro, Cúm gia cầm, Thương hàn gà, Dịch tả vịt, Tụ huyết trùng gia cầm dựa vào dịch tễ học, triệu chứng và bệnh tích? Chỉ báo 10: Biện pháp phòng và can thiệp vào ổ dịch Newcastle, Gumboro, Dịch tả vịt, Tụ huyết trùng gia cầm, Thương hàn gà? Trình bày cơ sở khoa học của các biện pháp đó? Chỉ báo 11: Trình bày hiểu biết của anh (chị) về tình hình bệnh Cúm gia cầm ở Việt Nam (tình hình dịch, vacxin phòng bệnh)? Chỉ báo 12: Trình bày hiểu biết của anh (chị) về ứng dụng của phản ứng ngăn trở ngưng kết hồng cầu (HI) trong công tác chẩn đoán và phòng chống bệnh?</p>	<p>K1, K2, K3, K4</p>

4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

- Dự lớp: là điều kiện bắt buộc, sinh viên không được vắng mặt quá 30% số tiết quy định
- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các bài thực hành mới đủ điều kiện dự thi cuối kỳ;
- Sinh viên có đầy đủ giáo trình/bài giảng của học phần và chuẩn bị bài tập đầy đủ theo yêu cầu của giảng viên
- Trong giờ chú ý nghe giảng, không gây mất trật tự làm ảnh hưởng đến người khác

VII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

* **Sách giáo trình/Bài giảng: (Liệt kê ít nhất 1 giáo trình- cập nhật mới từ 3 năm trở lại đây)**

Nguyễn Bá Hiên, Huỳnh Thị Mỹ Lệ, Lê Văn Lành, Đỗ Ngọc Thúy, Nguyễn Văn Giáp, Đặng Hữu Anh, Trương Hà Thái, Chu Thị Thanh Hương (2020). *Giáo trình bệnh truyền nhiễm thú y*. Nhà xuất bản Học viện Nông nghiệp

* **Tài liệu tham khảo khác: (Liệt kê ít nhất 3 tài liệu tham khảo)**

- Jeffrey J. Zimmerman, Locke A. Karriker, Alejandro Ramirez, Kent J. Schwartz, Gregory W. Stevenson, Jianqiang Zhang (2019). *Diseases of Swine*. Eleventh Edition. Print ISBN:9781119350859 |Online ISBN:9781119350927 |DOI:10.1002/9781119350927 © 2019 John Wiley & Sons, Inc.

- David E. Swayne, Martine Boulianne, Catherine M. Logue, Larry R. McDougald, Venugopal Nair, David L. Suarez, Sjaak de Wit, Tom Grimes, Deirdre Johnson, Michelle Kromm, Teguh Yodiantara Prajitno, Ian Rubinoff, Guillermo Zavala (2019). *Diseases of Poultry*, 14th Edition. Print ISBN:9781119371168 |Online ISBN:9781119371199 |DOI:10.1002/9781119371199 © 2020 by John Wiley & Sons, Inc.

- OIE (2018). *Terrestrial Manual*, 8th Edition, Volumes 1, 2 and 3. ISBN 978-92-95108-18-9. Ref: A 237

VIII. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	KQHTMD của học phần
1	Chương 1: Phòng chống bệnh truyền nhiễm	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: Nội dung GD lý thuyết: (2,5 tiết) 1.1. Quá trình sinh dịch 1.2. .Biện pháp phòng và chống bệnh truyền nhiễm Nội dung semina/thảo luận (0,5 tiết) a. Nguyên tắc lấy mẫu, bảo quản và vận chuyển bệnh phẩm b. Tổ chức đợt tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm	K1, K2, K4
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết) c. Hiện tượng nhiễm trùng d. Các thể bệnh truyền nhiễm	K1
2-3	Chương 2: Bệnh truyền nhiễm ở loài nhai lại	
	A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: Nội dung GD lý thuyết: (4 tiết) 2.1. Bệnh Lở mồm long móng 2.2. Bệnh Tụ huyết trùng trâu bò Nội dung giảng dạy thực hành/thực nghiệm: (1,5 tiết) Chẩn đoán bệnh ở loài nhai lại dựa vào triệu chứng, bệnh tích đặc trưng	K1, K2, K3
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (11 tiết) 2.3. Phân biệt bệnh Lở mồm long móng, tụ huyết trùng trâu bò với một số bệnh dễ nhầm lẫn dựa vào dịch tễ học, triệu chứng, bệnh tích đặc trưng; 2.4. Xây dựng phác đồ điều trị bệnh ở trâu bò	K1, K2, K3
4-5	Chương 3: Bệnh truyền nhiễm ở lợn	
	A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: Nội dung GD lý thuyết: (7 tiết) 3.1. Bệnh Dịch tả lợn 3.2. Bệnh Tụ huyết trùng lợn 3.3. Bệnh Phó thương hàn lợn 3.4. Bệnh Đóng dấu lợn 3.5. Bệnh Tai xanh Nội dung giảng dạy thực hành/thực nghiệm: (1,5 tiết) 3.6. Chẩn đoán bệnh ở loài lợn dựa vào triệu chứng, bệnh tích đặc trưng Nội dung semina/thảo luận: (0,5 tiết) 3.7. Hiểu biết về biện pháp sử dụng vacxin phòng bệnh ở lợn	K1, K2, K3

	<p>B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (18 tiết)</p> <p>3.8. Phân biệt 4 bệnh do của lợn với một số bệnh dễ nhầm lẫn dựa vào dịch tễ học, triệu chứng, bệnh tích đặc trưng;</p> <p>3.9. Xây dựng phác đồ điều trị bệnh ở lợn</p>	K1, K2, K3
	<p>Chương 4: Bệnh truyền nhiễm ở gia cầm</p>	
6-7	<p>A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp:</p> <p>Nội dung GD lý thuyết: (7,5tiết)</p> <p>4.1. Bệnh Newcastle</p> <p>4.2. Bệnh Gumboro</p> <p>4.3. Bệnh Tụ huyết trùng gia cầm</p> <p>4.4. Bệnh Thương hàn gà</p> <p>4.5. Bệnh Dịch tả Vịt</p> <p>4.6. Bệnh Cúm gia cầm</p> <p>Nội dung giảng dạy thực hành/thực nghiệm:(4,5tiết)</p> <p>4.7. Chẩn đoán bệnh ở loài gia cầm dựa vào triệu chứng, bệnh tích đặc trưng</p> <p>4.8. Chẩn đoán vi khuẩn học bệnh tụ huyết trùng gia cầm</p> <p>Nội dung semina/thảo luận: (0,5 tiết)</p> <p>4.9. Hiểu biết về biện pháp sử dụng vacxin phòng bệnh ở gia cầm</p>	K1, K2, K3, K4
	<p>B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (25tiết)</p> <p>4.10. Phân biệt một số bệnh ở gia cầm dễ nhầm lẫn dựa vào dịch tễ học, triệu chứng, bệnh tích đặc trưng;</p> <p>4.11. Xây dựng phác đồ điều trị bệnh ở gia cầm</p>	K1, K2, K3

IX. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

Cơ sở vật chất đầy đủ cho việc học e-learning

- Phòng học chuyên môn, thực hành:

Phòng học đảm bảo đủ ánh sáng, thông thoáng, phòng thực tập để dành vệ sinh tiêu độc

- Trang thiết bị máy móc:

+ Máy chiếu (projector) và màn chiếu

+ Loa cá nhân

+ Bảng

+ Phòng thực tập và phòng chuẩn bị thực tập được trang bị máy móc theo quy định chuyên môn vì sinh vật thú y.

- Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Động vật khỏe để gây bệnh thực nghiệm và động vật mắc bệnh tự nhiên để chẩn đoán;

Các loại môi trường, dụng cụ, trang thiết bị và vật tư phục vụ cho giảng dạy chuyên khoa

- E- learning

X. Các đợt cải tiến

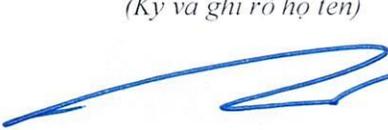
Lần 1: 7/2020

Lần 2: 7/2021

TRƯỞNG BỘ MÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)


Huỳnh Thị Mỹ Lợi

TRƯỞNG KHOA
(Ký và ghi rõ họ tên)



Bùi Trần Anh Đào

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2022
GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN
(Ký và ghi rõ họ tên)



KT. GIÁM ĐỐC
(Ký và ghi rõ họ tên)



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Cường

PHỤ LỤC

THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Huỳnh Thị Mỹ Lệ	Học hàm, học vị: PGS, TS
Địa chỉ cơ quan: Khoa Thú y, Học viện NNVN	Điện thoại liên hệ: 0913081492
Email: huynhtml@vnua.edu.vn hoặc huynhtml@yahoo.com	Trang web: (Đưa tên website của Khoa; website cá nhân – nếu có)
Cách liên lạc với giảng viên: điện thoại hoặc email (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Nguyễn Văn Giáp	Học hàm, học vị: TS
Địa chỉ cơ quan: Khoa Thú y, Học viện NNVN	Điện thoại liên hệ: 0979008128
Email: nvgiap@vnua.edu.vn hoặc vetvn_haul@yahoo.com	Trang web: (Đưa tên website của Khoa; website cá nhân – nếu có)
Cách liên lạc với giảng viên: điện thoại hoặc email (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Đặng Hữu Anh	Học hàm, học vị: TS
Địa chỉ cơ quan: Khoa thú y, Học viện NNVN	Điện thoại liên hệ: 0977832477
Email: dhanh@vnua.edu.vn hoặc huanh82@yahoo.com	Trang web: (Đưa tên website của Khoa; website cá nhân – nếu có)
Cách liên lạc với giảng viên: điện thoại hoặc email	